TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v: "T/c ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành.

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thuỷ Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Trọng L, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn I, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Triệu Thị Hồng V, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn I, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông L có đơn vắng mặt, bà V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Trọng L trình bày:

Tôi và bà Triệu Thị Hồng V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Bình Định vào ngày 10/12/1983.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hòa thuận, đến khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi. Mặc dù đã cố gắng dung hòa nhưng không được. Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Triệu Thị Hồng V.

- Về con chung: chúng tôi có 04 con chung tên Phan Thái P, sinh năm 1985, Phan Thị Thái Q, sinh năm 1988; Phan Thái L1, sinh năm 1990 và Phan Thị Hồng L2, sinh năm 1993. Các con hiện đã trưởng thành, lập gia đình riêng ổn định nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Triệu Thị Hồng V mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai tại phiên tòa.

Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà V trình bày: Tôi và ông Phan Trọng L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Bình Định vào năm 1983. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hòa thuận, đến khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do ông L đã có lời nói xúc phạm đến tôi và ông L đã đuổi tôi ra khỏi nhà. Tình nghĩa vợ chồng đầu ấp tay gối, khó khăn đều có nhau nhưng vì lời nói của ông L đã làm tổn thương đến lòng tự trọng của tôi, nên tôi đã đến nhà con gái là Phạm Thị Hồng L3 tại P- Bình Thuận chăm con sinh đẻ. Sau đó tôi đến nhà ở nhà con trai lớn là Phan Thái P tại thành phố Hồ Chí Minh ở. Trong khoảng thời gian tôi giận, ông L đã có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác (tôi có cung cấp chứng cứ là hình ảnh ông L chụp với người phụ nữ đó). Việc này tôi biết rõ nhưng vì truyền thống gia đình tôi chấp nhận tha thứ cho ông L với mong muốn ông L rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Thiết nghĩ ở tuổi 65 như vợ chồng tôi, thông gia có đủ, con cháu đề huề nên việc ly hôn của ông L tôi không thể chấp nhận được. Tôi xin quý Tòa xem xét hòa giải cho vợ chồng chúng tôi được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Trọng L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Phan Trọng L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là bà Triệu Thị Hồng V hiện nay đang cư trú tại: Thôn I, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là bà Triệu Thị Hồng V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trọng L và bà Triệu Thị Hồng V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Bình Định vào ngày 10/12/1983 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông L, thấy rằng: Cả ông L và bà V đều trình bày, quá trình chung sống sau khi kết hôn thì ông, bà hạnh phúc, hoà thuận cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Do tự ái nên bà V đã bỏ nhà đi đến nhà con gái là Phan Thị Hồng L2 tại P - Bình Thuận chăm con sinh, sau đó bà V tiếp tục đến ở nhà con trai lớn là Phan Thái P tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay gần 10 năm bà mới quay trở về nhà tại thành phố P, Gia Lai. Do vậy, ông L nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà V, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Triệu Thị Hồng V.

Đối với bị đơn là bà Triệu Thị Hồng V, quá trình giải quyết vụ án bà V có ý kiến không đồng ý ly hôn với ông L, bà có ý kiến đề nghị vợ chồng cứ sống riêng lẻ như hiện tại, phần ai nấy sống. Tuy nhiên, ông L không đồng ý với đề nghị này của bà V và cho rằng việc bà V nói ông ngoại tình là không có căn cứ.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa ông L và bà V đã xảy ra từ thời gian năm 2015 khi vợ chồng cãi nhau và bà V đã bỏ nhà đi đến nhà các con của bà tại Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh để ở trong thời gian gần 10 năm. Mặc dù hiện nay bà V đã trở về nhà chung của vợ chồng để sinh sống, nhưng cũng không thể phủ nhận được việc bà và ông L đã sống ly thân nhau trong thời gian bà bỏ đi. Bản thân bà V là một người vợ nhưng sau khi bà và ông L xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống thì bà lại lựa chọn phương án bỏ nhà đi đến nhà các con ở và bỏ mặc ông L, không quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của chồng bà trong thời gian gần 10 năm, trong khoảng thời gian này cả ông L lẫn bà V đều không ai có thiện chí hay biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà V nữa. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Phan Trọng L được ly hôn bà Triệu Thị Hồng V.

[5]Về con chung:Ông Phan Trọng L và bà Triệu Thị Hồng V có 04 con chung tên Phan Thái P, sinh năm 1985, Phan Thị Thái Q, sinh năm 1988; Phan Thái L1, sinh năm 1990 và Phan Thị Hồng L2, sinh năm 1993. Các con hiện đã trưởng thành, lập gia đình riêng ổn định nên ông L và V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: ông Phan Trọng L và bà Triệu Thị Hồng V tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Phan Trọng L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Trọng L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Trọng L được ly hôn bà Triệu Thị Hồng V.

2. Về con chung: Ông Phan Trọng L và bà Triệu Thị Hồng V có 04 con chung tên Phan Thái P, sinh năm 1985, Phan Thị Thái Q, sinh năm 1988; Phan Thái L1, sinh năm 1990 và Phan Thị Hồng L2, sinh năm 1993. Các con hiện đã trưởng thành, tự lập nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Trọng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Trọng L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp trước đây là 300.000đồng theo biên lai số 001293 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thị Thanh Hà